

Số thứ tự bài nộp
(do giám thị ghi)

Giám thị 1
(họ tên, chữ kí)

Giám thị 2
(họ tên, chữ kí)

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHẠM HỮU LÂU

HỌ TÊN HỌC SINH: _____ LỚP: _____

SỐ BÁO DANH: _____ STT: _____ PHÒNG THI SỐ: _____

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN MỸ

TRƯỜNG THCS PHẠM HỮU LÂU

ĐỀ 01-CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 04 trang)

KIỂM TRA CUỐI HKI MÔN TIẾNG ANH – KHỐI 9

NĂM HỌC 2025-2026

THỜI GIAN : 60 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Số thứ tự bài nộp (do giám thị ghi)	Số tờ nộp (học sinh ghi)	Điểm		GV chấm bài số 1 (họ tên, chữ kí)	GV chấm bài số 2 (họ tên, chữ kí)
		Bảng số	Bảng chữ		

LUU Ý QUAN TRỌNG DÀNH CHO THÍ SINH

Đề thi gồm 04 trang. Thí sinh làm ngay trên đề thi này. Thí sinh phải làm đúng theo hướng dẫn cách ghi câu trả lời ở mỗi phần. **Bài làm chỉ được chấm ở các phần trả lời (Answers) và mọi cách ghi khác đều không được chấm điểm. Thí sinh sử dụng bút bi xanh làm bài thi,** không sử dụng bút xoá. Từ điển và các thiết bị thông minh, thu phát sóng không được phép sử dụng trong kì thi. Thí sinh vi phạm nội quy của phòng thi sẽ bị xử lý theo quy định.

I. Choose the word/ phrase/ sentence (A/B/C/D) that best fits the space in each sentence or best answers the question: (3.5 pts) (Từ câu 01 đến câu 14, thí sinh viết mẫu tự (A/B/C/D) đại diện cho câu trả lời vào phần ANSWERS).

01. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others ?
A. collected B. deforested C. decided D. imagined

02. Which word has the underlined part pronounced differently from that of the others ?
A. languages B. possesses C. activities D. composes

03. Which word has a different stress pattern from that of the others ?
A. conserve B. successful C. extensive D. influence

04. Which word has a different stress pattern from that of the others ?
A. exchange B. polluted C. advertise D. protect

05. **Jack:** “The match was delayed____ it was raining heavily ” **Rosie:** “ Oh no ”
A. because B. because of C. so as D. in order to

06. **Tom:** “They canceled the picnic____ the bad weather.” **Mary:** “That’s a bummer.”
A. because of B. so that C. and D. because

07. **Josh:** “Go to____room and make sure this shirt fit you well”. **Tim:** “Ok, sure.”
A. label B. assistant C. check-in D. changing

08. **Barney:** “I can’t ____on my work due to the loud noise”. **Joshua:** “I’ll tell them”.
A. argue B. energetic C. focus D. distract

09. **Josh:** “ You can return or ____a product if you’ve got receipt”. **Kay:** “ I know ”.
A. exchange B. label C. scan D. deliver

10. Yemen: “Let’s ____the QR code for more information .” **Tom:** “ Okay.”
A. fit B. scan C. try on D. assist

11. **Tim:** “I’m ____about the upcoming test.” **John:** “That’s right.”
A. exciting B. worried C. boring D. interesting

12. **Mary:** “ We decided to ____a villa for our next summer vacation ” **Tom:** “ Wow?”
A. rent B. value C. bargain D. market

13. **Mom:** “ The baby is sleeping. ____the volume of the TV”. **Dad:** “ Oh, sorry I’ll”.
A. turn down B. give up C. look after D. come over

14. **Ivan:** “ Remember to ____ your brother while I’m gone”. **Linn:** “ I’ll dad”.
A. care for B. look after C. take care of D. All are correct

ANSWERS

01. _____

02. _____

03. _____

04. _____

05. _____

06. _____

07. _____

08. _____

09. _____

10. _____

11. _____

12. _____

13. _____

14. _____

THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO KHU VỰC NÀY

II. Look at the sign or the notice. Choose the best answer (A,B,C or D) for each question: (0,5 pts) (Từ câu 15 đến câu 16, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A/B/C/D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS).

Please
Keep Off
The Grass

15. What does the sign say?
A. You can walk on the grass and play games there.
B. The grass should be kept clean and free of trash.
C. You are not allowed to walk on the grass.
D. The grass is for sitting and relaxing only.

16. What does the sign say?
A. Road narrows on right
B. Road narrows on left
C. Construction site ahead
D. Road narrows ahead on both sides

ANSWERS

15. _____

16. _____

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits each space in the following passage: (1.5 pts)
(Từ câu 17 đến câu 22, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS).

Our surroundings are everything that (17)_____ around us, including trees, animals, houses, roads, and even the weather. They have a strong influence on our daily lives. When we live in a clean and green environment, we feel healthier, happier, and more (18)_____. Unfortunately, many places today face serious environmental problems. Air (19)_____ is one of the most common issues. Smoke from vehicles and factories releases harmful gases that make the air dirty and difficult to breathe. Water pollution is another major problem. Many rivers and lakes are filled with plastic, chemicals, or untreated waste, (20)_____ harms fish and other aquatic creatures. To improve our surroundings, everyone needs to take responsibility. We can plant more trees, (21)_____ the use of plastic, and throw rubbish into bins instead of on the ground. Schools and communities can organize clean-up activities to make public areas cleaner. If each person makes small, (22)_____ changes, we can protect our environment and create a better place to live.

17. A. disappears B. destroys C. exists D. damages

18. A. energetic B. unhappy C. inconvenient D. uncomfortable

19. A. pollution B. polluted C. unpolluted D. pollute

20. A. who B. which C. whom D. where

21. A. carry on B. work out C. carry out D. cut down on

22. A. positive B. negative C. harmful D. poisonous

ANSWERS

17. _____

18. _____

19. _____

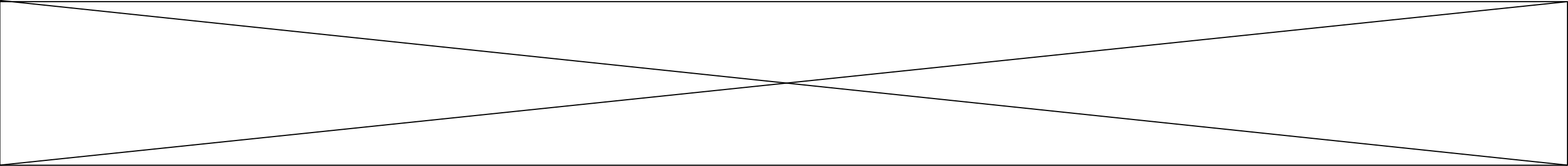
20. _____

21. _____

22. _____

TRANG 1

TRANG 2



IV. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28: (1,5pts)
(Từ câu 23 đến câu 26, thí sinh phải viết đầy đủ từ “TRUE” hoặc “FALSE” vào phần ANSWERS. Mọi cách viết khác đều không được chấm điểm. Đối với câu 27 và 28, thí sinh chỉ viết mẫu tự (A,B, C hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS)

A television advertisement or television commercial-often just commercial or TV ad (US), or advert, commercial, advertisement or simply just ad (UK/US), or ad-film (India)-is a span of television programming produced and paid for by an organization that conveys a message. Advertisement revenue provides a significant portion of the funding for most privately owned television networks. The vast majority of television advertisements today consist of brief advertising spots, ranging in length from a few seconds to several minutes (as well as program-length infomercials). Advertisements of this sort have been used to promote a wide variety of goods, services and ideas since the dawn of television. The USA’s first television advertisement was broadcast July 1, 1941. The watchmaker Bulova paid \$9 for a placement on New York station WNBT before a baseball game between the Brooklyn Dodgers and Philadelphia Phillies. The 20-second spot displayed a picture of a clock superimposed on a map of the United States, accompanied by the voice-over “America runs on Bulova time.” The first TV ad broadcast in the UK was on ITV on 21 September 1955, advertising Gibbs S.R Toothpaste.

ANSWERS

23. Television advertisements are usually very long.

23. _____
24. Advertisement revenue helps fund many private TV networks.

24. _____
25. The first TV advertisement in the USA was broadcast in 1941.

25. _____
26. The first UK TV advertisement was for a watchmaker.

26. _____
27. What is the main purpose of a television advertisement?

27. _____
- A. To entertain people

B. To provide news

C. To convey a message or promote something

D. To show long TV programs
28. Which company paid for the first TV advertisement in the USA?

28. _____
- A. Gibbs S.R

B. WNBT

C. Philadelphia Phillies

D. Bulova

V. Give the correct form of the word given in each sentence: (1.5pts)
(Từ câu 29 đến 34, thí sinh phải viết câu trả lời vào Phần ANSWERS)

ANSWERS

29. Unfortunately, scientists _____tested a new vaccine last year. (success)

29. _____
30. Technology companies used a _____to attract young innovators to their programs. (promote)

30. _____
31. Many influencers gained thousands of new _____ after sharing their fitness journeys on tiktok. (follow)

31. _____
32. Engineers are producing _____ panels with higher energy efficiency now. (sun)

32. _____
33. We offer free_____ on orders over 200.000 VND and you will receive an extremely cute reindeer for your children. (deliver)

33. _____
34. All chemicals in the science laboratory mustn’t be used_____. (responsibility)

34. _____

VI. Look at the entry of the word ‘CHRISTMAS’ in a dictionary. Use what you can get from the entry to complete the sentences with two or three words: (0,5pts)

CHRISTMAS noun [C or U] uk /'krɪs.məs/ us /'krɪs.məs/
+ My family always has a big dinner on **Christmas Eve**.
+ We listened to **Christmas songs** while putting up the tree.
+ My parents always wake up early on **Christmas morning**.
+ Santa Claus is a popular **symbol of Christmas**.
+ They sent us a beautiful **Christmas card** from Canada.
+ She baked **Christmas cookies** for her classmates.
+ Our school held a **Christmas charity event** to help poor children.

(Từ câu 35 đến câu 36, thí sinh phải viết cụm từ cần điền để hoàn chỉnh mỗi câu bên dưới vào phần ANSWERS)

ANSWERS

35. The company organized a _____ to donate food and clothes to the homeless.

35. _____
36. The snowman is another fun _____during winter.

36. _____

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence before it: (1.0 pt) *(Từ câu 37 đến câu 40, thí sinh viết câu trả lời vào Phần ANSWER)*

37. Don’t forget to switch off the lights when you leave.

ANSWER ⇒ Don’t forget to turn _____

38. Because she was sick, she didn’t go to school yesterday.

ANSWER ⇒ Because of her _____

39. The plane couldn’t take off because the weather was bad.

ANSWER ⇒ Because of _____

40. Due to the heavy rain, the outdoor garden party has been canceled for hours.

ANSWER ⇒ The heavy rain has caused the _____

THE END OF THE TEST